

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 8 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (gọi tắt là Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg); Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025 và mẫu biểu báo cáo (gọi tắt là Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH); Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH (gọi tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích:**

Rà soát, đánh giá tình hình diễn biến hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách giảm nghèo năm 2022.

Xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg để thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

##### **2. Yêu cầu:**

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phải đảm bảo chính xác, dân chủ, công khai, công bằng, đúng quy trình và thời gian quy định; có sự tham gia của các cấp, các ngành, của người dân và cộng đồng, bảo đảm đúng đối tượng, không bỏ sót và phản ánh đúng tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương và thực trạng đời sống của nhân dân.

Điều tra viên phải là người đã qua khóa bồi dưỡng, tập huấn, trung thực, khách quan, hiểu biết tình hình dân cư tại địa bàn; trực tiếp đến phỏng vấn, thu thập thông tin của từng hộ và phản ánh đúng tình hình thu nhập và việc tiếp cận các nhu cầu xã hội cơ bản của hộ theo các tiêu chí quy định tại phiếu điều tra; có

kinh nghiệm điều tra, khảo sát; am hiểu về đánh giá đặc điểm hộ gia đình, thông thuộc địa bàn khảo sát.

Người cung cấp thông tin là chủ hộ hoặc người đang sinh sống trong hộ hiểu và nắm được các thông tin theo yêu cầu của phiếu điều tra.

## **II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG RÀ SOÁT**

**1. Phạm vi rà soát:** Rà soát trên phạm vi toàn tỉnh.

**2. Đối tượng:**

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

## **III. PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH RÀ SOÁT XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG NGHÈO ĐA CHIỀU**

**1. Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo:**

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A): Ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: hộ có điểm  $A \leq 140$  điểm và điểm  $B \geq 30$  điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm  $A \leq 175$  điểm và điểm  $B \geq 30$  điểm ở khu vực thành thị;

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm  $A \leq 140$  điểm và điểm  $B < 30$  điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm  $A \leq 175$  điểm và điểm  $B < 30$  điểm ở khu vực thành thị.

**2. Quy trình rà soát và báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm:**

a) Quy trình và biểu mẫu rà soát, báo cáo kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm: Thực hiện theo quy định tại điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

b) Quy trình và biểu mẫu rà soát, báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm: Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

### III. THỜI GIAN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

#### 1. Thời gian thực hiện:

a) Rà soát định kỳ mỗi năm 01 lần: thực hiện từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm, cụ thể:

- Trước ngày 15/10/2022, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo kết quả sơ bộ về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp).

- Trước ngày 30/11/2022, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo chính thức (báo cáo công tác rà soát và Quyết định phê duyệt kết quả rà soát của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp).

- Trước ngày 14/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả rà soát về Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

b) Rà soát thường xuyên hằng năm: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

#### 2. Kinh phí điều tra:

Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 do ngân sách địa phương bố trí theo quy định về chế độ tài chính hiện hành và nguồn kinh phí thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này; Tham mưu phân công thành viên BCD rà soát hộ nghèo, cận nghèo tỉnh phụ trách giám sát, theo dõi các địa bàn.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn theo quy định. Triển khai việc cập nhật dữ liệu hộ nghèo, cận nghèo vào phần mềm quản lý theo quy định (sau khi Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội triển khai).

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo đúng quy trình; biểu mẫu và thời hạn quy định.

- Tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, công nhận.

## **2. Sở Tài chính:**

Hướng dẫn các địa phương trong việc bảo đảm kinh phí thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định.

## **3. Sở Thông tin và Truyền thông:**

Chủ trì, phối hợp cùng với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân được biết và hiểu về ý nghĩa, mục đích, yêu cầu của cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình; chú trọng việc phát hiện, nêu gương điển hình tiên tiến trong giảm nghèo.

## **4. Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh:**

Phối hợp với các đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và của người dân về tầm quan trọng, ý nghĩa rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh.

## **5. Các Sở, ban, ngành; cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo:**

Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Tham gia giám sát việc rà soát của các địa phương. Kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh theo đúng trách nhiệm, quyền hạn; thường xuyên báo cáo tình hình về kết quả rà soát và những khó khăn, vướng mắc cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh xin ý kiến chỉ đạo.

Trường hợp có thay đổi về phân công lãnh đạo tham gia Ban Chỉ đạo cần kịp thời báo cáo cơ quan thường trực (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) biết, theo dõi.

## **6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:**

- Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện theo quy định. Ban hành Kế hoạch triển khai công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn đảm bảo đúng quy định.

- Bố trí kinh phí thực hiện cho công tác triển khai các hoạt động: tập huấn; tổ chức điều tra rà soát; kiểm tra, giám sát; in, cấp phát mẫu phiếu điều tra, giấy chứng nhận hộ nghèo,.... theo quy định.

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên các phương tiện truyền thông; khuyến khích các hộ gia đình chủ động đăng ký tham gia.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp tham gia rà soát và các giám sát viên.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Ban Chỉ đạo điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Trưởng ban, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã làm Phó Trưởng Ban Chỉ đạo và đại diện các ngành tham gia Ban Chỉ đạo.

- Chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện.

- Có ý kiến về báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo quy định hiện hành.

- Tổ chức cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào Hệ thống phần mềm giảm nghèo làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hàng năm; Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở địa phương và công tác cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

**7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:** Giám sát việc thực hiện kế hoạch, chỉ đạo cơ sở phối hợp tham gia rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phối hợp tham gia rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở cơ sở đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng; trên cơ sở đó nắm được diễn biến hộ nghèo, hộ cận nghèo là hội viên, đoàn viên của hội, đoàn thể để có giải pháp hỗ trợ, giúp đỡ thoát nghèo bền vững.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) để xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Bộ LĐTBXH- VPQGGN;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và PCT UBND tỉnh Nguyễn Long Biên;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực các huyện ủy, thành ủy;
- VPUB: CVP, PVP (NĐT);
- Lưu: VT- VXNV. NVT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Long Biên**

